

水果 Fruits

 #1	shuǐ guǒ 水果 fruit  píng guǒ 苹果 apple #2
 #3	máng guǒ 芒果 mango  qí yì guǒ 奇异果 kiwi #4
 #5	xī guā 西瓜 watermelon  cǎo méi 草莓 strawberry #6
 #7	xiāng jiāo 香蕉 banana  pú tao 葡萄 grape #8
 #9	lí zi 梨子 pear  jú zi 桔子 tangerine #10